

Bản án số: 285/2024/DS-PT

Ngày 23/12/2024

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Quang Nhuận;

Ông Hồ Văn Phụng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**  
Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 213/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 262/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Thiều Thị A;

2. Ông Phan Thanh H;

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (đều có mặt)

*Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Hồng L; địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 23/8/2024). (có mặt)

**- Bị đơn:**

1. Bà Đặng Thị Khánh L1;

2. Ông Nguyễn Thanh C;

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (đều có mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phạm Thị Hồng L;

Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Đặng Thị Khánh L1 và ông Nguyễn Thanh C - Bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2024 của các nguyên đơn bà Thiều Thị A, ông Phan Thanh H và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng L trình bày:*

Vợ chồng bà A, ông H là hội viên, có tham gia các dây hội do bà Đặng Thị Khánh L1 và ông Nguyễn Thanh C là chủ hội, cụ thể như sau:

Dây hội 1: Hội mùa 5.000.000 đồng, mở ngày 25/7/2017 âm lịch, có 19 phần, ông H - bà A tham gia 01 phần, đóng hội sống được 18 lần, số tiền đóng tính có lãi theo chơi hội là 90.000.000 đồng.

Dây hội 2: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 19/12/2021 âm lịch, có 22 phần, ông H - bà A tham gia 01 phần, đóng hội sống được 21 lần, số tiền đóng tính có lãi theo chơi hội là 21.000.000 đồng.

Dây hội 3: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 16/11/2021 âm lịch, có 24 phần, ông H - bà A tham gia 02 phần, đóng hội sống được 22 lần, số tiền đóng tính có lãi theo chơi hội là 44.000.000 đồng.

Dây hội 4: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 03/11/2021 âm lịch, có 30 phần, ông H - bà A tham gia 02 phần, đóng hội sống được 24 lần, số tiền đóng tính có lãi theo chơi hội là 48.000.000 đồng.

Dây thứ 5: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 23/02/2022 âm lịch, có 33 phần, ông H - bà A tham gia 02 phần, đóng hội sống được 21 lần, số tiền đóng tính có lãi theo chơi hội là 42.000.000 đồng.

Dây hội 6: Hội mùa 5.000.000 đồng, mở ngày 01/02/2020 âm lịch, có 17 phần, ông H - bà A tham gia 01 phần, đóng hội sống được 10 lần, số tiền đóng tính có lãi theo chơi hội là 50.000.000 đồng.

Tổng cộng 06 dây hội bà L1, ông C còn nợ ông H, bà A 295.000.000 đồng. Sau đó, bà L1, ông C có trả cho ông H, bà A được 18.000.000 đồng, còn lại 277.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Nay bà A, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L1, ông C phải trả cho ông, bà số tiền hội còn nợ là 277.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đặng Thị Khánh L1, đồng thời cũng là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Thanh C trình bày:*

Bà thừa nhận bà A, ông H có tham gia các dây hội 2, 3, 4, 5, 6 và đóng hội sống với số lần như phía ông H, bà A đã trình bày. Riêng đối với dây 1, hội mùa 5.000.000 đồng, mở ngày 25/7/2017 âm lịch thì ngày chính xác của dây hội này là ngày 20/8/2017 âm lịch, tuy nhiên phần hội trong dây hội này bà L đã

hốt, sau đó bà mới biết bà L chơi dùm bà A, bà có gom hụi sống của bà A được 03 lần sau khi bà A đi Bình Dương trở về địa phương. Sau khi bà L hốt hụi có đề nghị chuyển đổi sang dây hụi mở ngày 30/7/2019 âm lịch mà bà L tham gia để đổi cho bà A dây hụi này, sau đó bà L cũng đã hốt luôn phần hụi này. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà A, ông H về việc yêu cầu bà trả số tiền nợ của dây hụi này, còn đối với các dây hụi 2, 3, 4, 5, 6 thì bà có ý kiến như sau:

Dây hụi 2: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 19/12/2021 âm lịch, có 22 phần, vợ chồng bà A tham gia 01 phần, tên trong giấy hụi là “M. A”, đóng hụi sống được 21 lần, số tiền đóng tính có lãi theo chơi hụi là 21.000.000 đồng. Dây hụi này bà đồng ý trả cho bà A 20.500.000 đồng (trừ tiền đầu thảo 500.000 đồng).

Dây hụi 3: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 16/11/2021 âm lịch, có 24 phần, vợ chồng bà A tham gia 02 phần, tên trong giấy hụi là “P. M. A”, đóng hụi sống được 22 lần, số tiền đóng tính có lãi theo chơi hụi là 44.000.000 đồng. Bà đồng ý trả 43.000.000 đồng (trừ đầu thảo 1.000.000 đồng)

Dây hụi 4: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 03/11/2021 âm lịch, có 30 phần, vợ chồng bà A tham gia 02 phần, tên trong giấy hụi là “M. A”, đóng hụi sống được 24 lần, số tiền đóng tính có lãi theo chơi hụi là 48.000.000 đồng. Dây này vốn đóng cụ thể là bao nhiêu bà không biết, vì không có ghi sổ theo dõi, bà xin trả 24.000.000 đồng, xem như mỗi lần đóng vốn bình quân là 500.000 đồng nhưng thực tế số tiền đóng ít hơn số tiền này.

Dây hụi 5: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 23/02/2022 âm lịch, có 33 phần, vợ chồng bà A tham gia 02 phần tên “chị U. A”, đóng hụi sống được 21 lần, số tiền đóng tính có lãi theo chơi hụi là 42.000.000 đồng. Hụi này chưa mãn, dây này vốn đóng cụ thể là bao nhiêu bà không biết, vì không có ghi sổ theo dõi, bà xin trả 21.000.000 đồng, xem như mỗi lần đóng vốn bình quân là 500.000 đồng nhưng thực tế số tiền đóng ít hơn số tiền này.

Dây hụi 6: Hụi mùa 5.000.000 đồng, mở ngày 01/02/2020 âm lịch, có 17 phần, vợ chồng bà A tham gia 01 phần, tên trong giấy hụi là “M. A”, đóng hụi sống được 10 lần, số tiền đóng tính có lãi theo chơi hụi là 50.000.000 đồng. Hụi này bà cũng không biết vốn đóng là bao nhiêu nhưng bà xin trả 25.000.000 đồng, xem như mỗi lần đóng vốn là 2.500.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà bà đồng ý trả cho bà A, ông H là 133.500.000 đồng. Bà xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ này, vì bà còn thiếu nợ tiền hụi của nhiều người.

Việc bà có làm chủ hụi và có nợ các hụi viên thì ông C (chồng bà) biết rõ và đồng ý cùng bà trả nợ cho các hụi viên. Tháng 9/2023 âm lịch, bà ngưng khai tất cả các dây hụi. Bà đã trả cho bà A, ông H được 18.000.000 đồng, số tiền này bà trả từ tháng 10/2023 âm lịch, lần cuối cùng trả là vào ngày 29/01/2024, khi bà A khởi kiện thì bà không trả nữa. Số tiền bà đã trả là trả chung cho các dây hụi chứ không riêng dây hụi nào.

Tại Bản án số 213/2024/DS-ST ngày 04/9/2024, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); các điều 18, 23, 25, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, về họ, họ, họ, họ, họ; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử:*

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thiệu Thị A và ông Phan Thanh H. Buộc bà Đặng Thị Khánh L1 và ông Nguyễn Thanh C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Thiệu Thị A và ông Phan Thanh H số tiền họ còn nợ là 269.500.000 đồng (Hai trăm sáu mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).*

*Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Thiệu Thị A, ông Phan Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng, bà Đặng Thị Khánh L1 và ông Nguyễn Thanh C còn phải có trách nhiệm liên đới trả lãi cho bà Thiệu Thị A, ông Phan Thanh H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 18/9/2024, bà L1 và ông C cùng có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án theo hướng xác định ông, bà chỉ còn nợ bà A, ông H 197.000.000 đồng và cho ông, bà trả mỗi tháng 10.000.000 đồng đến khi đủ số tiền 197.000.000 đồng, với lý do dây họ 1, bà L tham gia dùm bà A, đến lần thứ 9 bà L đã hết họ và đóng họ chết cho bà; khi họ còn 04 lần cuối thì bà L mới nói dây họ này bà L tham gia dùm bà A; bà chỉ nhận tiền của bà A 03 lần 6.000.000 đồng, nếu tính có lãi là 15.000.000 đồng nên dây họ này bà chỉ nợ bà A có 15.000.000 đồng chứ không phải 90.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà A, ông H không rút đơn khởi kiện; bà L1, ông C không rút kháng cáo và các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà L1 và ông C là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Đặng Thị Khánh L1 và ông Nguyễn Thanh C đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà L1 và ông C, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3] Đối với dây hụi 1, hụi mùa 5.000.000 đồng, mở ngày 25/7/2017 âm lịch, bà L thừa nhận bà tham gia dùm cho vợ chồng bà A, ông H 01 phần hụi lấy tên là “vợ N”; bà L1 cũng thừa nhận bà L đã trực tiếp đóng hụi 15 lần, sau đó bà A trực tiếp đóng hụi sống cho bà thêm 03 lần nữa. Như vậy, bà L1 biết dây hụi này thực tế là bà A tham gia nên những lần sau hụi gần mãn mới thu hụi sống trực tiếp từ bà A. Bà L1 cho rằng dây hụi này bà L đã hốt rồi nhưng sau đó vẫn thu tiền hụi sống từ bà A là không phù hợp và bà L cũng không thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bà A, ông H tham gia dây hụi này cho đến khi mãn hụi, số tiền hụi hốt được là 87.500.000 đồng (đã trừ tiền đầu thảo 2.500.000 đồng) và xác định vợ chồng bà L1, ông C còn nợ vợ chồng bà A, ông H số tiền hụi này là có căn cứ. Bà L1, ông C kháng cáo cho rằng bà A đóng hụi chỉ có 03 lần, nếu tính có lãi là 15.000.000 đồng nên chỉ thừa nhận thiếu bà A, ông H 15.000.000 đồng là không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Đối với việc bà L1, ông C cho rằng bà L đã hốt phần hụi này của bà A, bà đã giao tiền cho bà L rồi, nhưng chưa được sự đồng ý của bà A, ông H thì ông, bà có quyền khởi kiện bà L bằng vụ án dân sự khác để đòi lại và cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

[4] Đối với các dây hụi còn lại, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định vợ chồng bà L1, ông C còn nợ vợ chồng bà A, ông H dây hụi 2 số tiền 20.500.000 đồng, dây hụi 3 số tiền 43.000.000 đồng, dây hụi 4 số tiền 47.000.000 đồng, dây hụi 5 số tiền 42.000.000 đồng, dây hụi 6 số tiền 47.500.000 đồng thì sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[5] Như vậy, tổng cộng 06 dây hụi vợ chồng bà L1, ông C còn nợ vợ chồng bà A, ông H là 287.500.000 đồng, trừ đi 18.000.000 đồng mà bà L1 đã trả cho bà A, ông H trước khi hai người này khởi kiện ra Tòa án, còn lại là 269.500.000 đồng và cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bà L1, ông C liên đới trả cho bà A, ông H số tiền này và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ, đúng quy định tại các điều 280, 351, 357, 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các điều 18, 23, 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, về hụi, họ, biếu, phưởng.

[6] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà L1, ông C về việc xin trả nợ dần cho bà A, ông H mỗi tháng 10.000.000 đồng đến khi dứt nợ thì tại phiên tòa phúc

thẩm, bà A và ông H không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, trong giai đoạn thi hành án, các bên vẫn được quyền thỏa thuận việc thi hành án.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà L1, ông C, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[8] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L1 và ông C là người kháng cáo không được chấp nhận và cũng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi người chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị Khánh L1 và ông Nguyễn Thanh C.

**1.** Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 213/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể:

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thiều Thị A và ông Phan Thanh H. Buộc bà Đặng Thị Khánh L1 và ông Nguyễn Thanh C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Thiều Thị A và ông Phan Thanh H số tiền hụi còn nợ là 269.500.000 đồng (Hai trăm sáu mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Thiều Thị A và ông Phan Thanh H thì hàng tháng, bà Đặng Thị Khánh L1 và ông Nguyễn Thanh C còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

1.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị Khánh L1 và ông Nguyễn Thanh C phải cùng liên đới chịu là 13.475.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

Bà Thiều Thị A và ông Phan Thanh H không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.925.000 đồng (Sáu triệu chín trăm hai mươi lăm

ngàn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005370 ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**2. Án phí dân sự phúc thẩm:**

Bà Đặng Thị Khánh L1 và ông Nguyễn Thanh C mỗi người phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007369 ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, ông, bà đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

**3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.**

**4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

**Nơi nhận:**

- TAND huyện Kế Sách;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Hoàng Lâm**